

## HỌC TIẾNG ANH DI ĐỘNG: THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM ĐÃ TỰ CHỦ HỌC CHƯA?

Phạm Ngọc Thạch\*, Nguyễn Hoàng Dương, Đặng Đình Quân, Hoàng Quý,  
Nguyễn Xuân Thắng, Trần Minh Thành, Đinh Thị Hải

*Trường Đại học Hà Nội, km 9 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 21 tháng 10 năm 2022

Chỉnh sửa ngày 28 tháng 11 năm 2022; Chấp nhận đăng ngày 7 tháng 12 năm 2022

**Tóm tắt:** Bài viết trình bày kết quả thử nghiệm một ứng dụng học tiếng Anh di động có tên M-learning với hơn 300 người học là học sinh phổ thông và sinh viên đại học. Sử dụng phương pháp thống kê mô tả và suy diễn để phân tích dữ liệu thu được từ hai đợt thử nghiệm ứng dụng, nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt rất lớn về mức độ tham gia và hoàn thành các bài luyện có trong ứng dụng và tính tự chủ của đối tượng tham gia thử nghiệm còn hạn chế. Tuy nhiên, kết quả phân tích dữ liệu cho thấy có mối tương quan giữa số lần đăng nhập vào ứng dụng, hoàn thành bài luyện, hoàn thành câu hỏi, thời gian học và kết quả làm bài luyện. Nghiên cứu có ý nghĩa thực tế trong việc xây dựng và thử nghiệm ứng dụng di động học tiếng Anh cho thanh thiếu niên Việt Nam, đặc biệt là tầm quan trọng của việc hình thành, nuôi dưỡng và duy trì tính tự chủ của nhóm người học này.

*Từ khóa:* ứng dụng di động, thử nghiệm, tính tự chủ, tiếng Anh, thanh thiếu niên Việt Nam

### Giới thiệu

Trong xu thế phát triển mạnh mẽ của công nghệ nói chung và công nghệ di động nói riêng, dạy và học ngoại ngữ là một lĩnh vực đã phát huy được những thành tựu mà công nghệ mang lại, giúp nâng cao hiệu quả của hoạt động dạy và học ngoại ngữ. Nhiều nhà nghiên cứu đã chỉ ra lợi ích của học ngoại ngữ thông qua thiết bị di động như có thể học mọi lúc, mọi nơi, người học có thể tương tác thuận tiện với nội dung, bạn học và người dạy (Hoi & Mu, 2021). Với điều kiện thuận lợi về việc kết nối mạng Internet, sở hữu thiết bị di động, đặc biệt là điện thoại di động, thanh thiếu niên Việt Nam được kỳ vọng là sẽ sử dụng có hiệu quả các ứng dụng di động cho việc học tập nói chung và học ngoại ngữ nói riêng.

Tổng quan các nghiên cứu về học qua thiết bị di động của Ngo (2018) cho thấy việc ứng dụng học ngoại ngữ di động (MALL) mang lại lợi ích cho người học. Các nghiên cứu về MALL thường áp dụng các lý thuyết về trò chơi (game), học theo nhiệm vụ (task) và học qua ngữ liệu nguyên gốc, theo lộ trình phù hợp với cá nhân (seamless). Tuy nhiên, một câu hỏi đặt ra là làm thế nào để người học có thể chủ động khai thác hiệu quả thiết bị cũng như các ứng dụng di động có sẵn (có trả phí hoặc miễn phí) để học ngoại ngữ. Ở Việt Nam, chưa có nhiều nghiên cứu cụ thể về hiệu quả thực sự cũng như những lợi ích mà học di động ngoại ngữ mang lại cho người học nói chung và thanh thiếu niên nói riêng.

---

\* Tác giả liên hệ

Địa chỉ email: [thachpn@hanu.edu.vn](mailto:thachpn@hanu.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4865>

Trong bối cảnh đó, nghiên cứu này là một trong các nỗ lực nhằm tìm hiểu hiện trạng khai thác một ứng dụng di động học tiếng Anh (sau đây gọi tắt là M-learning). Bài viết này trình bày kết quả thử nghiệm M-learning đối với thanh thiếu niên Việt Nam trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 10/2022, chia thành 02 đợt. Ngoài ra, bài viết cũng đưa ra một số nhận định về mức độ tự chủ, tính tự giác của thanh thiếu niên Việt Nam trong việc khai thác thiết bị di động cho mục đích học tiếng Anh.

Nghiên cứu nhằm trả lời hai câu hỏi sau:

1. Thanh thiếu niên Việt Nam tham gia thử nghiệm M-learning để học tiếng Anh như thế nào?
2. Có mối tương quan giữa số lần đăng nhập, số bài luyện, câu hỏi hoàn thành, tổng thời gian học và kết quả làm bài luyện khi thử nghiệm M-learning hay không?

Nhóm nghiên cứu cũng tìm hiểu xem có sự khác nhau giữa nam và nữ, giữa học sinh và sinh viên về mức độ tham gia sử dụng M-learning hay không.

## Tổng quan

Học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng qua các thiết bị và ứng dụng di động đã được nhiều học giả trên thế giới và Việt Nam nghiên cứu (Hoi & Mu, 2021; Loc & cộng sự, 2021). Kết quả các nghiên cứu này cho thấy người học có thể sử dụng thiết bị di động để rèn luyện cả bốn kỹ năng thực hành tiếng, và nâng cao kiến thức tiếng về ba bình diện của tiếng Anh như từ vựng, ngữ pháp và ngữ âm. Ví dụ, nghiên cứu của Ahn và Lee (2016) cho thấy rằng công nghệ nhận dạng giọng nói giúp người học có hứng thú khi luyện nói nhờ việc người học được cho biết kết quả nhắc lại từ, cụm từ hoặc câu cho sẵn. Tương tự như vậy, nghiên cứu của Sutami (2021) về sử dụng ứng dụng *ORAI* theo 4 bước: ghi âm, đánh giá, chỉnh sửa và ghi âm lại cho thấy người học cảm thấy hài lòng với ứng dụng vì họ được luyện tập

hiều lần cho đến khi ứng dụng cho kết quả đánh giá tốt, và qua đó giúp họ tự tin hơn khi nói tiếng Anh. Nghiên cứu của Samad và Aminullah (2019) về quan điểm của người học đối với ứng dụng *Elsa Speak* cho thấy ứng dụng này có tác dụng tương tự nhờ thiết kế hợp lý về nội dung, cách đánh giá lời nói của người học thông qua công nghệ nhận dạng giọng nói. Trong quá trình luyện, người học cũng được chỉ ra các lỗi phát âm để tự chỉnh sửa, đồng thời học được từ mới khi nhắc lại từ và câu tiếng Anh.

Một số nghiên cứu cho thấy thiết bị di động cũng có thể được sử dụng hiệu quả cho việc học kỹ năng nghe (ví dụ, Kim, 2017). Nghiên cứu của Kim (2017), sử dụng bài kiểm tra trước và sau thử nghiệm ứng dụng làm bài thi tiếng Anh, cho thấy người học có sự tiến bộ về khả năng nghe hiểu trước và sau khi thử nghiệm. Tương tự như vậy, trong nghiên cứu của Keerthiwansha (2018), trí tuệ nhân tạo được sử dụng để đánh giá trình độ của người học (cả 4 kỹ năng) thông qua một bài kiểm tra trực tuyến. Sau đó, các bài học có trong miền kiến thức (knowledge domain) của ứng dụng sẽ gợi ý bài luyện cho từng cá nhân người học. Tuy nhiên, người dạy vẫn có vai trò rất quan trọng trong việc hướng dẫn người học thực hiện luyện theo gợi ý của ứng dụng.

Đối với kỹ năng đọc, Keezhatta và Omar (2019) đã tiến hành thử nghiệm một ứng dụng học tiếng Anh di động (phát triển trên nền tảng .NET) để hỗ trợ luyện đọc hiểu. Kết quả nghiên cứu cho thấy sau khi thử nghiệm, nhóm thử nghiệm có kết quả kiểm tra bài đọc cao hơn so với nhóm đối chứng. Nghiên cứu tổng hợp của Li (2022) đã cho thấy các ứng dụng di động mang lại hiệu quả lớn (large effect) cho người học trong việc cải thiện kỹ năng đọc hiểu. Tuy nhiên, người học cũng có ý kiến về một số hạn chế của luyện đọc qua thiết bị di động như màn hình nhỏ làm hại mắt, có quá nhiều trang web và ứng dụng nên khó lựa chọn. Ngoài ra, sự giúp đỡ của người dạy vẫn cần thiết để hướng dẫn và đốc thúc người học trong việc

lựa chọn ứng dụng phù hợp và sử dụng kỹ thuật luyện đọc hiệu quả (Li, 2022).

Một số ứng dụng di động cũng đã được sử dụng để tăng cường kỹ năng viết tiếng Anh. Các ứng dụng này có thể trực tiếp tăng cường kỹ năng viết như dựng câu, viết luận, hoặc gián tiếp như sử dụng từ vựng, ngữ pháp (Elaish & cộng sự, 2019). Kết quả nghiên cứu của Rad (2021) cho thấy nhờ sử dụng ứng dụng di động Admono để nhận hướng dẫn cách viết bài luận từ giáo viên, người học có tiến bộ rõ rệt (kết quả kiểm tra cao hơn so với nhóm đối chứng). Tuy nhiên, để có được tiến bộ này, người dạy phải thường xuyên chữa bài cho người học; đồng thời, người học phải thường xuyên trao đổi bài viết với nhau qua ứng dụng Edmono. Nghiên cứu của Alouch và cộng sự (2021) về việc sử dụng *WhatsApp* cũng cho thấy người học đánh giá cao vai trò của ứng dụng này trong việc giúp họ cải thiện kỹ thuật viết (sử dụng dấu chấm câu, từ chính xác, v.v.).

Ở Việt Nam, kết quả một số nghiên cứu cho thấy một mặt sinh viên Việt Nam có thái độ tích cực đối với việc sử dụng thiết bị và ứng dụng di động cho việc học ngoại ngữ, mặt khác họ cho rằng sự hỗ trợ của giảng viên có vai trò rất lớn cả ở trong và ngoài lớp học (Hoi & Mu, 2021; Loc & cộng sự, 2021). Người học vẫn cho rằng việc tiếp xúc trực tiếp với giảng viên trong quá trình học ngoại ngữ là một yếu tố rất quan trọng (Tran, 2020). Các ứng dụng di động chỉ nên là hỗ trợ cho phương thức giảng dạy truyền thống chứ không thể thay thế các buổi dạy trực tiếp trên lớp của giảng viên (Ebrahimi, 2022).

Một vấn đề quan trọng nữa là tính tự chủ của người học (learner autonomy). Tự chủ trong học tập được định nghĩa chung là “khả năng chịu trách nhiệm đối với việc học của mình” (Holec, 1981, tr. 3). Để thực sự tự chủ khi học trên môi trường trực tuyến nói chung và qua thiết bị di động nói riêng, người học cần có khả năng xác định mục tiêu, tìm kiếm sự giúp đỡ, tìm môi trường

học phù hợp, tự đánh giá, v.v. (Jansen & cộng sự, 2017). Đối với người học ngoại ngữ Việt Nam, nghiên cứu của Loi (2016) cho thấy tự chủ trong học ngoại ngữ là điều người dạy mong muốn (desirable), nhưng tính khả thi (feasibility) còn hạn chế, một trong số đó là người học Việt Nam thường thích làm bài luyện có tính chất thi cử (exam-oriented learning) hơn là luyện tập để nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ.

Đối với lĩnh vực học di động, mặc dù kết quả các nghiên cứu trước đây cho rằng thiết bị và ứng dụng di động tạo được hứng thú, nâng cao tính tự chủ của người học, nhưng các nghiên cứu đó chủ yếu dựa vào dữ liệu khảo sát thông qua bảng hỏi (survey questionnaire) hoặc phỏng vấn, chứ ít khi phân tích hành vi của người dùng đối với một ứng dụng cụ thể (Jaelani & Adung, 2022). Nghiên cứu của Daly (2022) cho thấy để người học tự chủ trong việc khai thác Quizlet học tiếng Anh, người dạy đã phải sử dụng một số biện pháp khuyến khích giới thiệu về ứng dụng ngay trên lớp học trực tiếp, dành thời gian cho người học tải và đăng ký sử dụng Quizlet, đưa nội dung học (từ vựng) vào bài học trên lớp, và thậm chí là cho điểm thưởng nếu người học hoàn thành tất cả các bài luyện trong ứng dụng. Nghiên cứu của Trần (2020) đối với các nhóm người học ở Việt Nam cũng cho thấy người học mong muốn thường xuyên nhận được nhận xét của người dạy, tương tác với bạn học và được gửi hướng dẫn, nhắc nhở hàng ngày.

Tóm lại, tổng quan nghiên cứu ở trên cho thấy thiết bị, ứng dụng di động có khả năng giúp người học tăng cường năng lực sử dụng tiếng Anh. Tuy nhiên, để có được tiến bộ, không thể thiếu vai trò của người dạy trong việc hướng dẫn, nhắc nhở và khích lệ người học. Ngoài ra, hầu hết các nghiên cứu trước đây dựa vào nguồn dữ liệu là phiếu khảo sát hoặc phỏng vấn với người học; còn ít nghiên cứu thực nghiệm được tiến hành với một ứng dụng di động cụ thể, đặc biệt ở Việt Nam. Dưới đây là phần trình bày

phương pháp nghiên cứu, bao gồm miêu tả ứng dụng M-learning, thiết kế nghiên cứu, đối tượng tham gia thử nghiệm và quá trình thu thập dữ liệu.

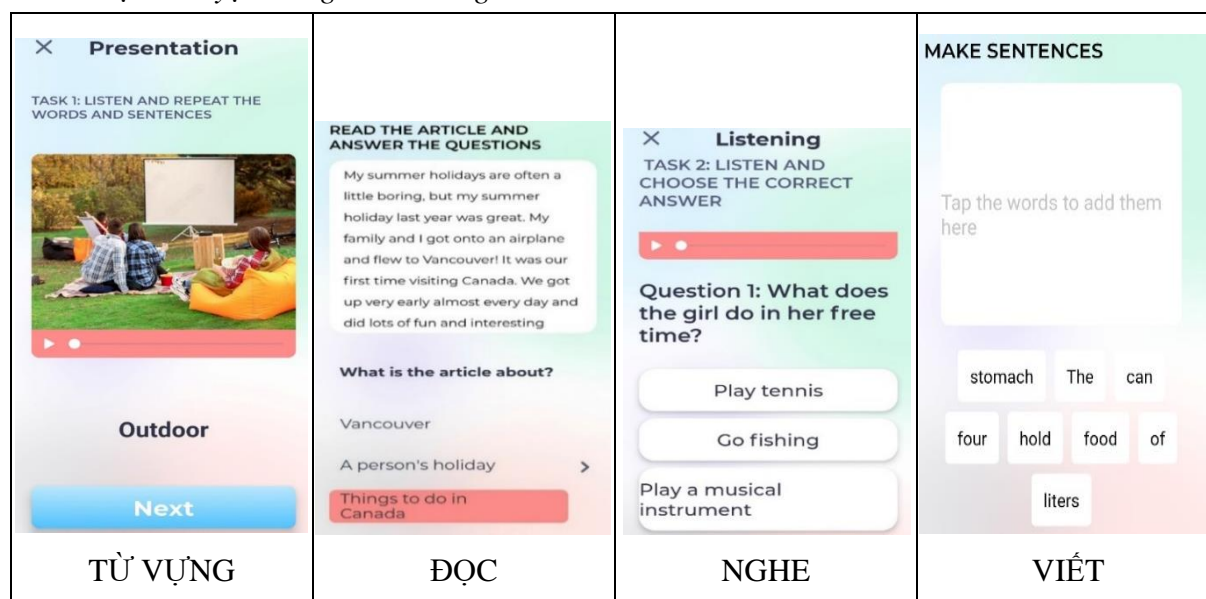
## Phương pháp nghiên cứu

### Miêu tả ứng dụng M-learning

Ứng dụng M-learning được thiết kế theo nguyên tắc dựa trên chủ đề (topic-based) nhằm hỗ trợ người học là thanh thiếu niên Việt Nam tăng cường năng lực sử dụng tiếng Anh trong cả bốn kỹ năng thực hành tiếng là nghe, nói, đọc, viết ở hai trình độ A2 và B1 theo Khung tham chiếu chung châu Âu về ngôn ngữ. Tuy nhiên, ứng dụng chú trọng nhiều hơn vào tăng cường kỹ năng nghe, đọc và nói. Đây cũng là kết quả của một khảo sát đã thực hiện trước khi phát triển M-learning, theo đó, người học (là thanh thiếu niên) mong muốn có một ứng dụng tăng cường các kỹ năng nghe, sau đó là đọc và nói (Thạch & cộng sự, 2021). Nội dung các chủ đề (bài) và số lượng bài luyện, câu hỏi từng bài nằm trong phần Phụ lục I của bài viết.

### Hình 1

Minh họa bài luyện trong M-learning



Các bài luyện từ vựng, nghe, đọc và viết sử dụng các phương thức đánh giá trắc

Mỗi trình độ trong M-learning bao gồm 10 bài, trong đó có 02 bài kiểm tra tiến độ. Nhóm nghiên cứu ý thức được rằng số lượng bài luyện chưa đủ để người học có thể đạt được trình độ A2 hoặc B1, nhưng đây là phiên bản dùng thử (beta version) và kết quả thử nghiệm sẽ là cơ sở để nhóm nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện số lượng và nội dung các bài học. Đối với mỗi trình độ, sau khi mở ứng dụng, người học có thể lựa chọn bài học tùy thích và bắt đầu luyện với bất kỳ kỹ năng nào, phù hợp với thời gian và địa điểm sử dụng thiết bị. Tuy nhiên, người học được khuyến khích hoàn thành hết các phần luyện của một bài trước khi chuyển sang bài khác. Mỗi bài học bắt đầu bằng phần luyện từ vựng (Presentation), sau đó là các bài luyện tăng cường kỹ năng đọc → nghe và nói. Kỹ năng viết được lồng ghép vào các bài luyện khác như sắp xếp từ để hoàn thiện câu, sắp xếp câu thành một đoạn văn hoàn chỉnh. Dưới đây là một số minh họa bài luyện từ vựng, đọc, nghe và viết.

nghiệm để cung cấp kết quả làm bài ngay lập tức. Người học có thể luyện nhiều lần nếu

thấy không hài lòng với kết quả làm bài. Đối với phần luyện kỹ năng nói, mỗi bài học bắt đầu bằng phần video hướng dẫn phát âm, sau đó là các bài luyện như nhắc lại từ, cụm từ và câu. Ứng dụng so sánh câu nhắc lại của người học với câu mẫu có sẵn và đánh giá

kết quả. Cuối mỗi bài luyện nói, người học trả lời một số câu hỏi mở và ứng dụng đánh giá mức độ chính xác về mặt phát âm của câu trả lời (chưa đánh giá về nội dung câu trả lời). Dưới đây là một số minh họa bài luyện nói.

## Hình 2

Minh họa bài luyện nói trong M-learning

Hình 2 minh họa ba màn hình của ứng dụng M-learning:

- NGHE NHẮC LẠI TỪ:** Màn hình hiển thị từ "Badminton" và một nút "Done! Press and Hold to record Again". Dưới đó là các thanh tiến trình cho các âm vị: "badminton (80%)", "b (100%)", "ae (7%)", "d (3%)", "m (0%)", "ih (1%)", "n (1%)", "t (1%)", "ax (24%)", "n (100%)".
- NGHE NHẮC LẠI CÂU:** Màn hình hiển thị câu "We have a team of four specialists" và các thanh tiến trình cho các âm vị: "w (100%)", "have (100%)", "h (100%)", "ae (100%)", "v (100%)", "a (100%)", "ax (100%)", "team (96%)", "t (100%)", "iy (100%)", "m (84%)", "of (100%)".
- NGHE TRẢ LỜI CÂU HỎI:** Màn hình hiển thị câu hỏi "Why is it your favourite season?" và các thanh tiến trình cho các âm vị: "i (100%)", "don't (100%)", "know (100%)", "but (100%)", "you (100%)", "know (100%)", "in (100%)", "spring (100%)", "the (100%)", "weather's (100%)", "very (100%)", "very (100%)", "nice (100%)".

### Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này là một phần của đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ (Giáo dục và Đào tạo) với mục tiêu là phát triển phần mềm học tiếng Anh di động cho thanh thiếu niên Việt Nam. Sau khi đã được xây dựng và thử nghiệm trong nội bộ nhóm nghiên cứu, ứng dụng được đưa lên chợ ứng dụng (cho cả hệ điều hành IOS và Android), và thử nghiệm diện rộng với chính các đối tượng là học sinh, sinh viên một số trường trung học phổ thông và đại học ở Việt Nam. Trong quá trình thử nghiệm, M-learning thu thập dữ liệu về thời gian học, kết quả luyện tập. Các dữ liệu này được tải về, phân tích nhằm mục đích cải tiến ứng dụng sau khi thử nghiệm. Thời gian thử nghiệm ứng dụng bắt đầu từ cuối tháng 8 và kết thúc vào đầu tháng 10/2022.

### Đối tượng tham gia thử nghiệm

Đối tượng tham gia thử nghiệm ứng

dụng này là thanh thiếu niên Việt Nam. Cụ thể đã có khoảng 330 học sinh phổ thông và sinh viên một số trường đại học được mời tham gia thử nghiệm. Nhóm nghiên cứu tiếp cận với đối tượng tham gia qua lãnh đạo của trường phổ thông và đại học. Sau khi được phép của lãnh đạo các trường, Nhóm nghiên cứu gửi thư mời tham gia thử nghiệm và hướng dẫn sử dụng ứng dụng cho từng người.

Mặc dù nghiên cứu không tiến hành kiểm tra trình độ tiếng Anh của người dùng (do thử nghiệm trên diện rộng và ở nhiều trường khác nhau), nhưng trong M-learning đã thiết kế một bài kiểm tra đầu vào. Kết quả những người đã làm bài kiểm tra cho thấy hầu hết đều đạt trình độ A2 khi bắt đầu thử nghiệm. Ngoài ra, căn cứ vào sách giáo khoa và giáo trình đang sử dụng tại các cơ sở giáo dục, những người thử nghiệm ứng dụng này dường như có trình độ tiếng Anh phù hợp khi tham gia thử nghiệm. Trong thiết kế của M-



learning, sau khi kết thúc 09 bài học của mỗi trình độ (A2 và B1) người học có thể làm bài kiểm tra tiến độ. Tuy nhiên, dữ liệu từ quá trình thử nghiệm cho thấy không nhiều người làm bài kiểm tra tiến độ.

### ***Quá trình thu thập dữ liệu***

Nhóm nghiên cứu thu thập dữ liệu về hành vi khai thác M-learning như đăng nhập, làm các bài luyện, và trả lời câu hỏi. Sau khi được phép tiến hành thử nghiệm và được cung cấp địa chỉ thư điện tử cũng như số điện thoại của người học, nhóm nghiên cứu gửi thư mời tham gia thử nghiệm cùng với tài liệu hướng dẫn sử dụng; tuy nhiên, việc tham gia mang tính tự nguyện. Số thư mời đã gửi đi khoảng 500 thư và tổng số người tham gia thử nghiệm là khoảng 330 người, chiếm khoảng 67%. Trong quá trình thử nghiệm, nhóm nghiên cứu sử dụng các công cụ nhắc người học luyện bài qua thư điện tử, tin nhắn và nhắc nhở trực tiếp trên lớp. Dưới đây là một ví dụ thư nhắc nhở bằng tiếng Việt và tin nhắn điện thoại bằng tiếng Anh.

*Thân gửi em + tên người sử dụng*

*Cảm ơn em đã đăng nhập vào ứng dụng M-learning. Dữ liệu trong hệ thống cho thấy em chưa khai thác nhiều các bài tập trong ứng dụng này. Để học tiếng Anh hiệu quả, em hãy kiên trì luyện hàng ngày theo phương châm “practice makes progress”.*

*Em có thể vào đường dẫn sau để đọc hướng dẫn chi tiết*

<https://dk4gmas1cpqul.cloudfront.net/mlearning/huong-dan-mlearning-beta.pdf>

*Subject: From HANU's M-learning.*

*Thank you very much for your time spent to learn English with the M-learning application. Please keep going and complete all the units in the App. Happy learning!*

Quá trình thử nghiệm được chia thành hai đợt. Đợt một từ đầu tháng 7 đến đầu tháng 8/2022, đợt hai từ cuối tháng 8 đến

đầu tháng 10/2022. Một trong những lý do nhóm nghiên cứu tiến hành thử nghiệm thành hai đợt là nhằm đánh giá tính tự chủ của người tham gia. Trong đợt thứ nhất, sau khi gửi thư mời thử nghiệm, nhóm nghiên cứu chỉ gửi nhắc nhở qua thư điện tử. Trong đợt thử nghiệm thứ hai, ngoài việc nhắc qua thư, nhóm nghiên cứu gửi tin nhắn điện thoại và nhờ giáo viên nhắc trực tiếp khi học sinh, sinh viên đi học trên lớp. Kết quả thu được từ hệ thống đăng ký cho thấy số người đã tải và đăng nhập (login) vào M-learning của đợt 1 là hơn 210 người, đợt 2 là gần 120 người.

Kết quả thử nghiệm được tải về và phân tích theo hai câu hỏi nghiên cứu đã trình bày ở trên và dựa vào các khung lý thuyết về thiết kế bài học cho ứng dụng di động, tính chủ động trong học ngoại ngữ nói chung và học ngoại ngữ trực tuyến, học với thiết bị di động nói riêng (Jansen, 2017; Loi, 2016; Ngo, 2018). Nhóm tác giả sử dụng một số phương pháp xử lý dữ liệu định lượng thông dụng như tính toán tần suất thời gian tham gia làm bài và thống kê mô tả khác nhằm phân tích hành vi của người tham gia thử nghiệm ứng dụng. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu cũng thực hiện một số phân tích suy diễn nhằm xác định mối tương quan giữa số lần đăng nhập, số lượng hoàn thành bài luyện, hoạt động, tổng thời gian luyện tập và kết quả làm bài. Sau đây là phần trình bày kết quả nghiên cứu.

### **Kết quả và thảo luận**

#### ***Kết quả***

Để trả lời câu hỏi nghiên cứu số 1: “Thanh thiếu niên Việt Nam tham gia sử dụng ứng dụng M-learning để học tiếng Anh như thế nào?”, nhóm nghiên cứu đã tải dữ liệu về người sử dụng và tiến hành phân tích thống kê mô tả như số lượng người tham gia, thời gian tham gia, số lần làm bài luyện (task), số câu hỏi đã hoàn thành, v.v. Hình 3 miêu tả một ví dụ hoạt động của người sử dụng.

**Hình 3**

*Minh họa hoạt động của người sử dụng M-learning*

User 147	A2U1 Reading Task 2	2022-07-09 8:13:46	FinishTask	TA_005	0
User 147	A2U1 Reading Task 3	2022-07-09 8:13:46	DoTask	TA_006	0
User 147		2022-07-09 8:13:46	DoQuestion	QS_032	0
User 147		2022-07-09 8:14:07	FinishQuestion	QS_032	0
User 147		2022-07-09 8:14:08	DoQuestion	QS_033	0
User 147		2022-07-09 8:14:13	FinishQuestion	QS_033	2
User 147		2022-07-09 8:14:13	DoQuestion	QS_034	0
User 147		2022-07-09 8:14:23	FinishQuestion	QS_034	2
User 147		2022-07-09 8:14:24	DoQuestion	QS_035	0
User 147		2022-07-09 8:14:31	FinishQuestion	QS_035	2
User 147		2022-07-09 8:14:31	DoQuestion	QS_036	0
User 147		2022-07-09 8:14:36	FinishQuestion	QS_036	2
User 147		2022-07-09 8:14:36	DoQuestion	QS_037	0
User 147		2022-07-09 8:14:43	FinishQuestion	QS_037	2
User 147		2022-07-09 8:14:43	DoQuestion	QS_A2U1_SCORE	0
User 147		2022-07-09 8:14:45	FinishQuestion	QS_A2U1_SCORE	0
User 147	A2U1 Reading Task 3	2022-07-09 8:14:45	FinishTask	TA_006	0
User 147	A2U1 Reading Task 4	2022-07-09 8:14:45	DoTask	TA_007	0

Dữ liệu trong Hình 3 cho thấy người dùng (mã 147) đã làm các bài luyện đọc (reading task) số 2, 3, 4 của bài học số 1, trình độ A2. Chi tiết hơn, với bài luyện số 3, người dùng đã bắt đầu lúc 8:13:46 và kết thúc lúc 8:14:46 (khoảng 01 phút) và đạt được 10 điểm (cột cuối) cho 05 câu hỏi (QS 033-037). Người dùng đạt điểm tối đa cho bài luyện này. Dữ liệu trong Hình 3 cũng cho thấy điểm cho câu hỏi (score) được tính sau khi người sử dụng hoàn thành câu trả lời (FinishQuestion). Tuy nhiên, cũng có một số bài luyện không tính điểm (chủ yếu trong bài luyện số 1 và số 2 của phần học từ vựng (Presentation). Cấu trúc của các bài học được thiết kế theo khuyến cáo của một số học giả như đã tổng quan trong nghiên cứu của Ngo (2018), đó là dựa vào trò chơi (game-based), học theo nhiệm vụ (task-based), theo ngữ liệu thực, mang tính cá nhân hóa (seamless) và các bài luyện chỉ nên ngắn gọn, dễ thực hiện (Tran, 2020).

Sau đợt thử nghiệm thứ nhất, mặc dù số lượng người đã tham gia tải và đăng ký vào thử nghiệm ứng dụng là 214 người, số người thực sự làm bài luyện rất ít. Bảng 1 trình bày kết quả tổng hợp số hoạt động của

những người tham gia thử nghiệm.

**Bảng 1**

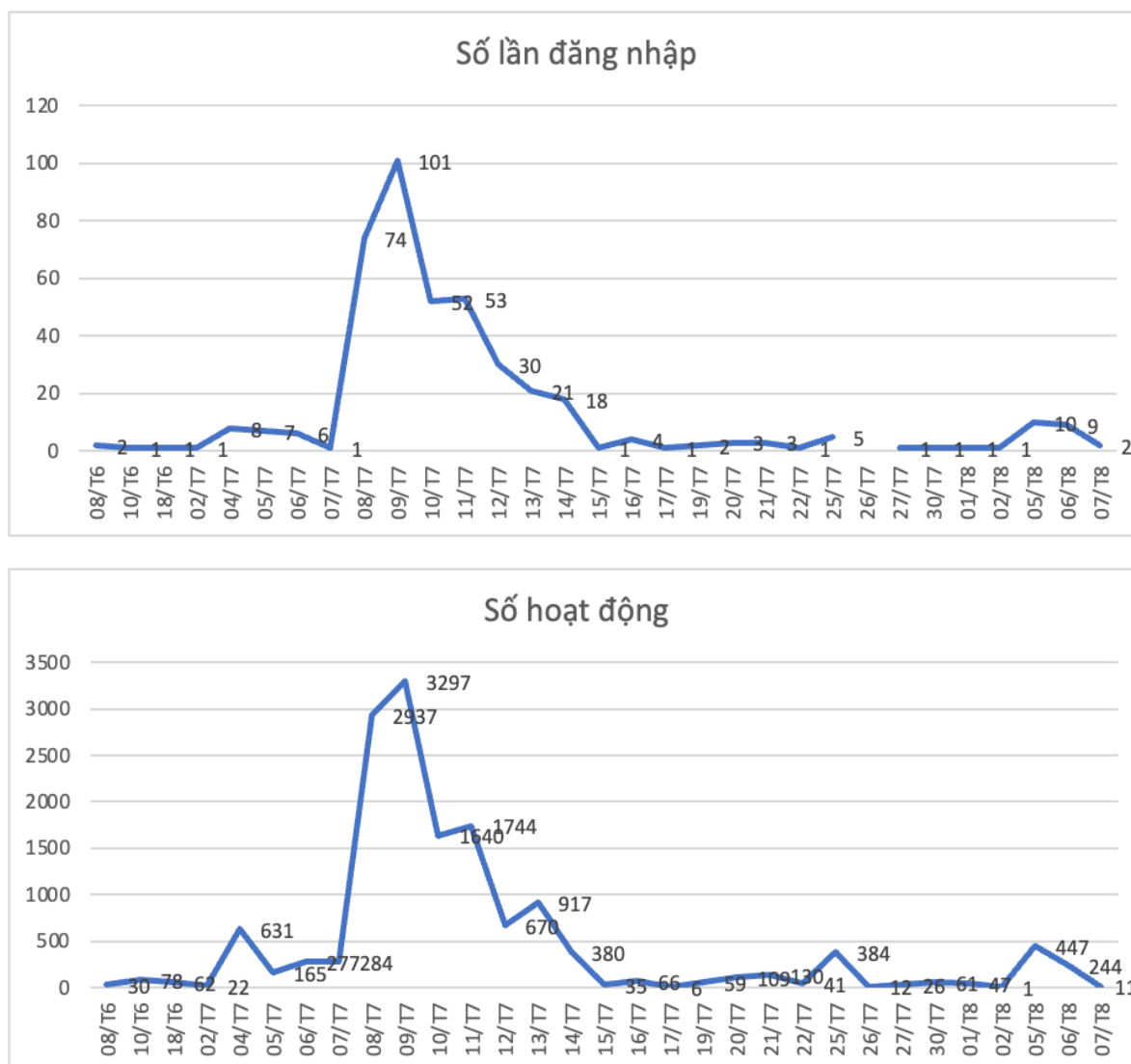
*Số hoạt động của đợt thử nghiệm thứ nhất*

Tổng số người sử dụng	214
Số hoạt động trung bình	69.22
Số hoạt động có tần suất nhiều nhất	38.00
Độ lệch chuẩn	86.92
Số hoạt động nhỏ nhất	1
Số hoạt động lớn nhất	631
Tổng số hoạt động	14813

Dữ liệu trong Bảng 1 cho thấy sau hơn một tháng thử nghiệm đã có 214 người tham gia với tổng số 14.813 hoạt động. Tuy nhiên, độ lệch chuẩn rất lớn (86,92) thể hiện sự khác biệt rất lớn giữa người làm rất nhiều hoạt động, lớn nhất là 631, và người làm rất ít, chỉ 01 hoạt động. Số hoạt động trung bình là 69,22. Nhóm nghiên cứu tiếp tục tìm hiểu số lần đăng nhập (login) và số lượng hoạt động trong ứng dụng theo chuỗi thời gian. Kết quả phân tích được trình bày trong Biểu 2.

**Biểu 1**

Số lần đăng nhập và hoạt động theo chuỗi thời gian.



Dữ liệu trong Biểu 1 cho thấy người sử dụng chỉ đăng nhập và có hoạt động nhiều trong khoảng thời gian từ ngày 08/7 đến 14/7. Số lần đăng nhập và hoạt động lớn nhất là ngày 08 và 09/7, với số lần đăng nhập và hoạt động tương ứng là 74, 101, 2937 và 3297. Số lần đăng nhập và hoạt động của các ngày khác rất ít. Căn cứ vào kết quả thử nghiệm lần thứ nhất, nhóm nghiên cứu quyết định tiến hành thử nghiệm lần thứ 2, cũng với đối tượng là học sinh phổ thông và sinh viên đại học. Sự khác biệt trong lần thử nghiệm thứ hai là ngoài những biện pháp gửi

thư, tin nhắn nhắc làm bài luyện, nhóm nhờ các giáo viên dạy trực tiếp trên lớp nhắc nhở người tham gia. Ngoài ra, để tăng tỷ lệ sử dụng, nhóm nghiên cứu đã có biện pháp thưởng (thẻ nạp điện thoại) cho một nhóm người sử dụng nhất định. Dưới đây là phần trình bày kết quả thử nghiệm.

**Thông tin về người tham gia**

Theo dữ liệu tải về, từ ngày 26/8 đến 07/10/2022, đã có khoảng 120 học sinh, sinh viên đăng ký sử dụng ứng dụng M-learning đợt hai. Tuy nhiên, sau đợt thử nghiệm, dựa



vào mức độ hoạt động của người dùng, nhóm nghiên cứu đã làm sạch dữ liệu (loại bỏ những người chỉ đăng ký, đăng nhập một lần

rồi thôi, và giữ lại 91 người đưa vào báo cáo trong nghiên cứu này. Bảng 2 trình bày thông tin về người tham gia thử nghiệm.

**Bảng 2**

*Thông tin về người tham gia thử nghiệm*

	Phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Độ lệch chuẩn
Giới tính	Nữ	60	65.9	0.48
	Nam	31	34.1	
Đối tượng	Sinh viên	73	80.2	0.40
	Học sinh	18	19.8	
	Cao nhất (27)	2	1.1	
Tuổi	Thấp nhất (14)	1	2.2	2.40
	Trung bình	19.45	19.5	

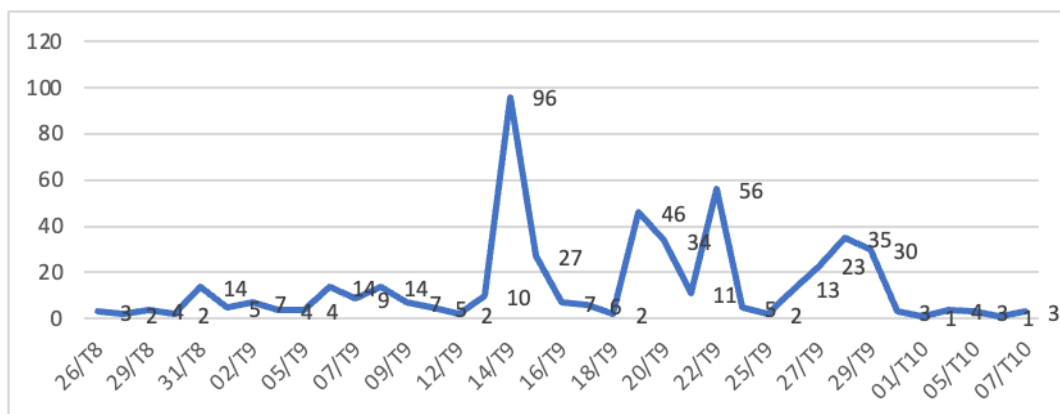
Dữ liệu trong Bảng 2 cho thấy tỷ lệ tham gia thử nghiệm là nữ chiếm gần gấp đôi tỷ lệ là nam (65,9% so với 34,1%). Số sinh viên cũng chiếm đa số (80,2%) và độ tuổi trung bình của người tham gia thử nghiệm là 19,45. Người nhỏ tuổi nhất là 14 tuổi và lớn

tuổi nhất là 27 tuổi, đúng với đối tượng của đề tài nghiên cứu. Tần suất đăng nhập vào M-learning của các đối tượng này được thể hiện trong Biểu 2.

**Số lần đăng nhập theo thời gian**

**Biểu 2**

*Số lần đăng nhập theo thời gian (đợt 2)*



Dữ liệu trong Biểu 2 cho thấy trong thời gian đầu, số lần đăng nhập vào ứng dụng rất ít. Nhận thấy hiện tượng này (qua phân tích sơ bộ dữ liệu tải về), nhóm nghiên cứu đã nhờ các giáo viên dạy trực tiếp nhắc nhở học sinh, sinh viên tại lớp học, thậm chí dành một số thời gian trên lớp để thử nghiệm tải và đăng nhập M-learning. Nhờ đó, số lượng đăng nhập sử dụng tăng mạnh. Đặc biệt ngày 14/9, số lần đăng nhập tăng vọt (96 lần). Tuy

nhiên, sau đó số lần đăng nhập lại có xu hướng giảm dần. Vì vậy, nhóm nghiên cứu lại tiếp tục nhờ giáo viên dạy trực tiếp nhắc học sinh, sinh viên đăng nhập, sử dụng và số lượng lại tăng lên. Dữ liệu trong Biểu 2 cũng cho thấy những ngày cuối tuần (16, 17, 18, 23, 24, 25/9), số lượng người đăng nhập rất thấp (chỉ 5, 6, 7 lần, thậm chí thấp hơn). Khi được nhắc nhở vào ngày đi học, số lần đăng nhập lại cao.

### Số hoạt động theo trình độ, bài kiểm tra tiến độ và bài học

Phân tiếp theo trình bày số hoạt động của người tham gia phân chia theo trình độ

#### Bảng 3

*Hoạt động của đối tượng tham gia phân chia theo trình độ và bài học*

Trình độ	Số lượng người dùng	Bài học	Số lượt người dùng
Đầu vào	361	A2-Bài 1	235
A2	288	A2-Bài 2	110
B1	30	A2-Bài 3	87
Tiến độ A2	24	A2-Bài 4	53
Tiến độ B1	9	A2-Bài 5	39
		A2-Bài 6	24
		A2-Bài 7	20
		A2-Bài 8	24
		A2-Bài 9	11
		B1-Bài 1	15
		B1-Bài 2	9
		B1-Bài 3	5
		B1-Bài 4	10
		B1-Bài 5	3
		B1-Bài 6	2
		B1-Bài 7	3
		B1-Bài 8	2
		B1-Bài 9	3

Dữ liệu trong Bảng 3 cho thấy đa số các hoạt động của đối tượng tham gia tập trung vào bài kiểm tra đầu vào (361 lượt) và trình độ A2 (288 lượt). Trong số các bài của trình độ A2, Bài 1 (Shopping) có số lượt người tham gia cao nhất (235 lượt) và thấp nhất là Bài 9 (Technology) với 11 lượt người tham gia. Số lượt người làm bài luyện và bài kiểm tra tiến độ của trình độ B1 rất thấp với con số tương ứng là 30 và 09. Trong số các bài học trình độ B1, Bài 1 (Travel) có số lượt người làm lớn nhất (15), tiếp theo là bài 4 (Sports). Các bài từ số 5 đến số 9 chỉ có 2 đến 3 lượt người tham gia.

(A2, B1), bài kiểm tra (đầu vào, tiến độ A2, B1) và các bài học (09 bài trình độ A2 và 09 bài trình độ B1).

### Số hoạt động theo kỹ năng

Như đã trình bày ở trên, các bài học và bài kiểm tra tiến độ của M-learning được thiết kế giúp người học tăng cường các kỹ năng thực hành tiếng nghe, nói, đọc, viết và năng lực sử dụng từ vựng. Dưới đây là thống kê số lượt tham gia chia theo kỹ năng thực hành tiếng và từ vựng. Đối với các bài học, kỹ năng viết không được bố trí thành một bài luyện riêng biệt mà được lồng ghép vào bài đọc, hoặc nói. Các bài kiểm tra tiến độ (Bài 10) chia thành 04 kỹ năng thực hành tiếng nhưng không có phần kiểm tra từ vựng riêng biệt, mặc dù các câu hỏi trong kiểm tra đều có phần về kiến thức từ vựng đã học.

**Bảng 4**

*Hoạt động của người học phân chia theo kỹ năng thực hành tiếng và từ vựng  
Theo kỹ năng trình độ A2 và B1*

STT	Trình độ	Kỹ năng/kiến thức	Số lượt người dùng
1	A2	Từ vựng	427
2	A2	Đọc	462
3	A2	Nghe	412
4	A2	Nói	304
5	B1	Từ vựng	20
6	B1	Đọc	12
7	B1	Nghe	16
8	B1	Nói	03

*Theo kỹ năng các bài kiểm tra (đầu vào và tiến độ)*

STT	Bài kiểm tra tiến độ	Kỹ năng	Số lượt người dùng	
1	Đầu vào	Đọc	384	
2	Đầu vào	Nghe	303	
3	Đầu vào	Viết	251	
4	Đầu vào	Nói	201	
5		A2	Đọc	43
6		A2	Nghe	10
7		A2	Viết	10
8		A2	Nói	02
9		B1	Đọc	11
10		B1	Nghe	02
11		B1	Viết	0
12		B1	Nói	0

Dữ liệu trong Bảng 4 cho thấy số lượt người tham gia làm bài luyện và kiểm tra của trình độ A2 lớn hơn nhiều so với trình độ B1. Kết quả này tương đồng với dữ liệu trong Bảng 3 ở trên. Đối với các bài học của trình độ A2, số lượt người làm bài luyện từ vựng, đọc và nghe tương đối giống nhau (tương ứng là 427, 462, 412 lượt). Với các bài này, chủ yếu người học theo dõi và làm các bài luyện dưới dạng trắc nghiệm (chọn A, B, C, đúng-sai, sắp xếp từ để tạo câu đúng, v.v). Số lượt người luyện bài nghe của trình độ

này thấp hơn (304 lượt). Đối với các bài luyện nói, ngoài việc thực hiện các bài luyện trắc nghiệm như ở trên, người học phải nhắc lại từ, câu và trả lời câu hỏi mở để M-learning chấm điểm. Dữ liệu trong Bảng 4 cũng cho thấy số lượt người tham gia luyện các kỹ năng ở trình độ B1 thấp hơn nhiều so với trình độ A2.

Xu hướng thích làm các bài luyện theo hình thức trắc nghiệm cũng đúng khi đối tượng tham gia làm các bài kiểm tra đầu vào, kiểm tra tiến độ A2 và B1. Dữ liệu trong

phần 4.2 cho thấy số lượt người làm bài kiểm tra đọc và nghe (hình thức trắc nghiệm) lớn hơn nhiều (384 và 303 lượt) so với các bài luyện viết hoặc nói (251 và 201 lượt). Dữ liệu trích xuất từ M-learning cũng cho thấy xu hướng tương tự với hai bài kiểm tra tiến độ của trình độ A2 và B1. Tuy nhiên, số lượt người làm bài thấp hơn rất nhiều. Thậm chí không có ai làm bài luyện viết và nói của trình độ B1.

Trong phần tiếp theo, nhóm nghiên cứu trình bày mối tương quan giữa các biến quan trọng của đợt thử nghiệm thứ hai: số lần đăng nhập (login), số bài luyện đã hoàn thành (finished task), số câu hỏi đã hoàn

### Bảng 5

Độ tin cậy thang đo

	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Độ tin cậy
Số lần đăng nhập	5,088	4,057	0,826
Bài luyện hoàn thành	26,637	31,161	0,768
Câu hỏi hoàn thành	211,286	231,719	0,708
Tổng thời gian	84,415	85,946	0,706
Tổng điểm	133,804	137,972	0,591
Độ tin cậy chung (0,78)			

Dữ liệu trong Bảng 5 cho thấy có sự khác nhau rất lớn về giá trị của các biến. Ví dụ điểm trung bình của số lần đăng nhập là 5,08, nhưng của câu hỏi hoàn thành là 211,29 và của tổng điểm là 133,80. Độ lệch chuẩn của hầu hết các biến cũng rất lớn. Nguyên nhân là có sự khác biệt rất lớn giữa những người sử dụng: có người đăng nhập nhiều lần nhưng không làm các bài luyện, nhưng cũng có người vào ít lần hơn, nhưng liên tục làm các bài luyện, trả lời câu hỏi và

### Bảng 6

Mối tương quan giữa các biến

Biến	1	2	3	4	5
1. Số lần đăng nhập	1	0,617**	0,643**	0,787**	0,727**
2. Bài luyện hoàn thành		1	0,990**	0,715**	0,901**
3. Câu hỏi hoàn thành			1	0,737**	0,920**
4. Tổng thời gian				1	0,757**
5. Tổng điểm					1

Ghi chú: \*\* giá trị  $p < 0,01$ ; mức độ tương tác: nhỏ  $r = 0,10-0,29$ ; trung bình  $r = 0,30-0,49$ ; lớn  $r = 0,50-1,0$  (Hair, 2010)

thành (finished questions), tổng thời gian làm bài (time on task) và tổng điểm thu được (total score). Ngoài ra, nhóm cũng tìm hiểu xem có sự khác nhau về thời gian tham gia giữa nam và nữ, giữa học sinh và sinh viên hay không.

Câu hỏi nghiên cứu số 2: *Có mối tương quan giữa số lần đăng nhập, số bài luyện, câu hỏi hoàn thành, tổng thời gian học và kết quả làm bài luyện khi sử dụng M-learning hay không?*

Trước khi tìm hiểu mối tương quan giữa các biến trên, nhóm nghiên cứu tiến hành kiểm tra độ tin cậy của các thang đo. Bảng 5 trình bày kết quả kiểm tra.

qua đó được điểm nhiều hơn. Theo Hair (2010), độ tin cậy của các biến đạt yêu cầu (trên 7,0), trừ biến về tổng điểm (0,59). Tuy nhiên, với số lượng biến thấp (05 biến), tương quan trung bình giữa các biến bằng 0,779, và có ít sự khác nhau giữa giá trị thấp nhất và cao nhất của tổng các biến (thấp nhất = 0,617, cao nhất = 0,990), mức độ tin cậy của biến tổng điểm vẫn chấp nhận được (Pallant, 2014). Bảng 6 trình bày mối tương quan giữa các biến.

Dữ liệu trong Bảng 6 cho thấy có mối tương quan giữa tất cả các biến quan sát ( $p < 0,01$ ). Mối tương quan lớn nhất là giữa bài luyện và câu hỏi đã hoàn thành ( $r = 0,99$ ), tiếp theo là giữa câu hỏi hoàn thành và tổng điểm ( $r = 0,92$ ) và thấp nhất là mối tương quan giữa số lần đăng nhập và số bài luyện đã hoàn thành ( $r = 0,62$ ). Giữa thời gian làm bài và tổng điểm cũng có mối tương quan rất lớn ( $r = 0,757$ ). Nhóm nghiên cứu đã thử chạy phép tính hồi quy đa biến nhằm tìm hiểu tác động của các biến độc lập (số lần đăng nhập, bài luyện, câu hỏi hoàn thành, tổng thời gian làm bài) tới biến phụ thuộc (tổng số điểm).

### Bảng 7

*Kiểm định sự khác nhau về tổng thời gian làm bài theo giới tính và đối tượng*

		Tổng thời gian làm bài						
		Kiểm định Levene	Số lượng (N)	Trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)	t	Mức ý nghĩa (2 đuôi)	Kết luận
Giới tính	Nữ	0,933	60	94,763	84,8436	1,612	0,111	Không
	Nam		31	64,387	85,8747			
Đối tượng	Sinh viên	0,211	73	86,600	85,1043	0,486	0,628	Không
	Học sinh		18	75,556	91,2537			

Kết quả phân tích dữ liệu từ Bảng 7 cho thấy không có sự khác nhau giữa nam và nữ, giữa học sinh và sinh viên về tổng thời gian làm các bài luyện trong ứng dụng. Tuy nhiên, với số lượng nghiệm thể còn tương đối thấp (91) và có sự chênh lệch giữa số lượng sinh viên (73) và học sinh (18) tham gia thử nghiệm, cần tiến hành kiểm định với số lượng người tham gia lớn hơn nữa.

### Thảo luận

Mục đích chính của nghiên cứu này là tìm hiểu hoạt động của một nhóm người tham gia thử nghiệm một ứng dụng học tiếng Anh di động (M-learning), đồng thời xác định mối tương quan giữa số lần đăng nhập, số bài luyện câu hỏi hoàn thiện, thời gian và kết quả luyện tập. Trong phần tiếp theo, nhóm nghiên cứu so sánh kết quả đã trình bày ở trên với một số nghiên cứu đã có.

Tuy nhiên, do có sự khác biệt rất lớn về thời gian làm bài (thấp nhất là 1,7 phút, cao nhất là 363,3 phút và kết quả làm bài (thấp nhất là 0 điểm và cao nhất là 623,09), nên dữ liệu chạy hồi quy đa biến bị vi phạm (nhiều giá trị cực đại/cực tiểu - outlier). Ngoài ra, có hiện tượng đa cộng tuyến giữa hai biến 'bài luyện hoàn thành' và 'câu hỏi hoàn thành'.

Nhằm kiểm định xem có sự khác nhau giữa nam và nữ, giữa học sinh và sinh viên về thời gian làm bài luyện hay không, nhóm nghiên cứu đã chạy phép so sánh độc lập t-test. Bảng 7 trình bày kết quả phân tích.

*Thứ nhất*, về hoạt động của người thử nghiệm M-learning, kết quả cho thấy việc khai thác ứng dụng còn tương đối thấp và có sự khác nhau rất lớn về số lần đăng nhập, và đặc biệt là số lượt các hoạt động sau khi đăng nhập. Có người học rất tích cực, đăng nhập nhiều lần và làm rất nhiều bài luyện; tuy nhiên, cũng nhiều người đăng nhập ít, cá biệt có người chỉ đăng nhập một lần, thời gian học chỉ tính bằng giây và điểm số học tập bằng không. Kết quả này giống với nghiên cứu của Hanson và Brown (2020) khi thử nghiệm một ứng dụng học tiếng Tây Ban Nha qua thẻ học từ (flashcard) và của Rad (2021) khi thử nghiệm một phần mềm (DIALANG) đánh giá kỹ năng đọc, nghe và viết của người học Iran, theo đó có sự khác nhau rất lớn giữa người học khi sử dụng phần mềm, ứng dụng bằng thiết bị di động.



*Thứ hai*, kết quả của hai đợt thử nghiệm với phương thức triển khai khác nhau cũng cho thấy nếu chỉ giới thiệu ứng dụng và để cho người học tự ‘bơi’, tỷ lệ đăng nhập và hoàn thành bài luyện rất thấp. Chỉ khi nào giáo viên nhắc nhở, thậm chí dành thời gian khi gặp trực tiếp để nhắc nhở, yêu cầu người học đăng nhập vào ứng dụng, làm bài tập, người học mới thực hiện. Phát hiện này giống với các kết quả nghiên cứu của Trần (2020), theo đó người học muốn được hàng ngày nhận được hướng dẫn từ giáo viên, hoặc nghiên cứu của Hoi và Mu (2021) cho thấy có mối tương quan trực tiếp giữa hỗ trợ định hướng của giáo viên với ý định sử dụng thiết bị di động của người học. Nhận định này cũng được chứng minh qua việc khi có sự nhắc nhở thường xuyên của nhóm nghiên cứu bằng thư điện tử, tin nhắn, và hướng dẫn trực tiếp của giáo viên, lượt người đăng nhập và làm bài luyện tăng hơn nhiều so với đợt thử nghiệm trước đó.

*Thứ ba*, kết quả thống kê suy luận cho thấy có mối tương quan giữa các nhân tố chính của việc sử dụng thiết bị di động để học tiếng Anh và số lần đăng nhập, số bài luyện, câu hỏi hoàn thành, thời gian học và kết quả học. Mặc dù dữ liệu trong nghiên cứu này chưa đủ lớn để có thể khẳng định mối quan hệ xuôi chiều giữa các nhân tố trên, nhưng kết quả này giống với phát hiện của Kholis (2021) về mối tương quan giữa hành vi sử dụng Elsa Speak (một ứng dụng luyện nói) và kết quả (score) thu được sau một thời gian nhất định, và nghiên cứu của Sutami (2021) về hiệu quả của việc khai thác ứng dụng ORAI để luyện nói tiếng Anh. Kết quả này cũng tương đồng với phát hiện trong nghiên cứu của Daly (2022) cho thấy tổng thời gian học (total time using app) có mối tương quan dương với điểm làm bài kiểm tra (test score).

*Thứ tư*, kết quả nghiên cứu này cho thấy không có sự khác nhau giữa nam và nữ, giữa học sinh và sinh viên về thời gian khai thác ứng dụng M-learning để học tiếng Anh. Kết quả này khác với phát hiện trong nghiên

cứu của Daly (2022), theo đó nam giới dường như thích khai thác ứng dụng di động nhiều hơn nữ. Tuy nhiên, sự khác biệt là không lớn và không có sự khác nhau giữa hai giới về kết quả kiểm tra sau khi sử dụng thiết bị di động hỗ trợ làm bài thi TOEIC. Tuy nhiên, kết quả này giống với nghiên cứu của Hilao và Wichadee (2017) cho thấy không có sự khác nhau giữa nam và nữ sinh ở Thái Lan về việc sử dụng điện thoại di động cho việc học ngoại ngữ. Cần có thêm nhiều nghiên cứu về vấn đề này với số lượng nghiệm thể lớn hơn để có thể đưa ra so sánh nam và nữ giới trong việc sử dụng thiết bị di động để học ngoại ngữ.

*Thứ năm*, kết quả nghiên cứu này cho thấy động cơ học tiếng Anh bằng thiết bị di động là một vấn đề cần được nghiên cứu thực nghiệm nhiều hơn nữa. Mặc dù qua khảo sát với người học, kết quả các nghiên cứu (ví dụ của Ebrahimi, 2022; Hoi & Mu, 2021) cho thấy thiết bị di động làm tăng động cơ học ngoại ngữ, mang lại nhiều lợi ích cho người học và người học có thái độ tích cực về việc này, nhưng thực tế thử nghiệm cho thấy không phải người học nào cũng sẵn sàng sử dụng thiết bị di động để học tiếng Anh. Kết quả này cũng tương đồng với nhận định của Radin (2017) cho rằng cần lồng ghép việc sử dụng thiết bị di động một cách đầy đủ và phù hợp vào chương trình học mới nâng cao được động cơ và tính hữu ích cho người học. Kết quả nghiên cứu cũng thống nhất với nhận định của Loi (2016) cho rằng người học ngoại ngữ Việt Nam có xu hướng thích làm bài kiểm tra hơn là học để tăng cường kỹ năng thực hành tiếng. Số lượt người làm bài kiểm tra đầu vào trong M-learning chiếm một tỷ lệ rất lớn.

Có một số nguyên nhân của hiện tượng này. Có thể là do ứng dụng chưa đủ sức lôi cuốn, hoặc chi phí kết nối mạng, trực tuyến đường truyền internet khi học. Tuy nhiên, với việc nhiều người học trong nghiên cứu này chỉ đăng nhập một lần rồi không học cho thấy nếu không có sự thúc giục trực tiếp, và kiểm tra của giáo viên, người học chưa có

động cơ để sử dụng thiết bị cho mục đích học tập và chưa chủ động, chịu trách nhiệm với việc học của mình. Đây cũng là kết quả nghiên cứu của Thạch và cộng sự (2021) cho thấy thanh thiếu niên sử dụng thiết bị di động để học tập thấp hơn nhiều so với các mục đích khác.

### Kết luận

Bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu thực nghiệm của một ứng dụng học tiếng Anh trực tuyến (M-learning) đối với hơn 300 người là thanh thiếu niên Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy có mối tương quan giữa các biến như số lần đăng nhập, số bài luyện, câu hỏi hoàn thành, thời gian học và kết quả học. Tuy nhiên, quá trình thử nghiệm ứng dụng cũng cho thấy người học chưa hoàn toàn chủ động trong việc sử dụng thiết bị di động để học tiếng Anh. Thực tế này trái với kết quả của nhiều nghiên cứu trước đây (dựa vào khảo sát với người học) cho rằng khi học qua thiết bị di động, người học tự chủ hơn, có thể học mọi lúc, mọi nơi theo tiến độ và sở thích cá nhân. Dường như vẫn có một khoảng cách lớn giữa nhận thức và hành vi của người học về vấn đề này. Ngoài ra, người dạy vẫn đóng vai trò rất lớn trong việc nhắc nhở, khuyến khích và hướng dẫn người học bằng cả hình thức gián tiếp và trực tiếp.

Mặc dù thử nghiệm ứng dụng M-learning đã đạt được một số kết quả như nêu ở trên, nghiên cứu này có một số hạn chế nhất định. Thứ nhất, với số lượng người tham gia chưa nhiều, dữ liệu dùng để phân tích chưa đủ độ lớn để đánh giá chính xác hiệu quả của ứng dụng nói chung và từng bài học nói riêng. Thứ hai, trong quá trình thử nghiệm, nghiên cứu chưa có được phương thức hữu hiệu để nắm bắt tức thời hành vi của người học nhằm giúp họ duy trì tính tự chủ khi sử dụng thiết bị di động để học tiếng Anh. Khuyến nghị, trong các lần thử nghiệm tiếp theo, có thể xem xét sử dụng các biện pháp liên lạc tức thời khác như thiết lập nhóm người dùng, thông qua các ứng dụng

xã hội như Zalo, Facebook để kịp thời nhắc nhở, giải đáp thắc mắc, hướng dẫn người dùng. Thứ ba, nghiên cứu thử nghiệm chưa có nhóm đối chứng để đánh giá chính xác hiệu quả của ứng dụng đối với người học. Cuối cùng, nghiên cứu chưa phỏng vấn người tham gia nhằm tìm hiểu quan điểm của họ về nội dung bài học và yếu tố kỹ thuật của ứng dụng di động.

Mặc dù còn một số hạn chế nêu trên, kết quả thử nghiệm M-learning cho thấy đề thay đổi hành vi của thanh thiếu niên Việt Nam trong việc khai thác, sử dụng thiết bị di động cho mục đích học nói chung và học tiếng Anh nói riêng là một thách thức không nhỏ. Trong khi các nhà giáo dục, chuyên gia kỹ thuật cần tìm hiểu kỹ nhu cầu, sở thích của người học để phát triển phần mềm, ứng dụng phù hợp, người dạy có vai trò rất quan trọng trong việc giới thiệu, khuyến khích và thậm chí là lồng ghép các ứng dụng di động tiếng Anh vào trong chương trình học, kế hoạch phát triển cá nhân cho thanh thiếu niên Việt Nam. Trong bối cảnh thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, cần nhiều nỗ lực hơn nữa từ các bên liên quan để chúng ta có thể có được phần mềm, ứng dụng học tiếng Anh ‘Make in Viet Nam’ phù hợp với người học nói chung và thanh thiếu niên Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, tính tự chủ trong học tập là vấn đề cần được xây dựng, nuôi dưỡng và phát triển cho thế hệ tương lai của đất nước.

### Tài liệu tham khảo

- Ahn, T. Y., & Lee, S. M. (2016). User experience of a mobile speaking application with automatic speech recognition for EFL learning. *British Journal of Educational Technology*, 47(4), 778–786. <https://doi.org/10.1111/bjet.12354>
- Alouch, M., Ganapathy, M., & Lin, D. T. A. (2021). Using WhatsApp to promote ESL students' writing. *AJELP: Asian Journal of English Language and Pedagogy*, 9(2), 54–65. <https://doi.org/10.37134/ajelp.vol9.2.5.2021>
- Daly, N. P. (2022). Investigating learner autonomy and vocabulary learning efficiency with

- MALL. *Language Learning and Technology*, 26(1), 1–30. <https://doi.org/10.1257/73469>
- Ebrahimi, M. (2022). Ubiquitous learning: The effect of LingAR application on EFL learners' language achievement and the realization of their motivation towards mobile learning. *Interactive Learning Environments*, 1–19. <https://doi.org/10.1080/10494820.2022.2041044>
- Elaish, M. M., Shuib, L., Ghani, N. A., & Yadegaridehkordi, E. (2019). Mobile English language learning (MELL): A literature review. *Educational Review*, 71(2), 257–276. <https://doi.org/10.1080/00131911.2017.1382445>
- Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., & Anderson, R. E. (2010). *Multivariate data analysis* (7th ed.). Prentice-Hall.
- Hanson, A. E. S., & Brown, C. M. (2020). Enhancing L2 learning through a mobile assisted spaced-repetition tool: An effective but bitter pill? *Computer Assisted Language Learning*, 33(1–2), 133–155. <https://doi.org/10.1080/09588221.2018.1552975>
- Hilao, M. P., & Wichadee, S. (2017). Gender differences in mobile phone usage for language learning, attitude, and performance. *Turkish Online Journal of Distance Education*, 18(2), 68–79.
- Hoi, V. N., & Mu, G. M. (2021). Perceived teacher support and students' acceptance of mobile-assisted language learning: Evidence from Vietnamese higher education context. *British Journal of Educational Technology*, 52(2), 879–898. <https://doi.org/10.1111/bjet.13044>
- Holec, H. (1981). *Autonomy and foreign language learning*. Pergamon Press.
- Jaelani, A., & Adung, N. (2022). The use of mobile-assisted language learning to promote learner autonomy in the EFL speaking context. *Journal of English Education*, 8(1), 17. <https://doi.org/10.30606/jee.v8i1.1284>
- Jansen, R. S., van Leeuwen, A., Janssen, J., Kester, L., & Kalz, M. (2017). Validation of the self-regulated online learning questionnaire. *Journal of Computing in Higher Education*, 29(1), 6–27. <https://doi.org/10.1007/s12528-016-9125-x>
- Keerthiwansha, N. W. B. S. (2018). Artificial intelligence education (AIEd) in English as a second language (ESL) classroom in Sri Lanka. *International Journal of Conceptions on Computing and Information Technology*, 6(1), 31–36.
- Keezhatta, M. S., & Omar, A. (2019). Enhancing reading skills for Saudi secondary school students through mobile assisted language learning (MALL): An experimental study. *International Journal of English Linguistics*, 9(1), 437–447. <https://doi.org/10.5539/ijel.v9n1p437>
- Kholis, A. (2021). Elsa Speak app: Automatic speech recognition (ASR) for supplementing English pronunciation skills. *Pedagogy: Journal of English Language Teaching*, 9(1), 01–14. <https://doi.org/10.32332/joelt.v9i1.2723>
- Kim, Y. J. (2017). The effects of mobile-assisted language learning (MALL) on Korean college students' English-listening performance and English-listening anxiety. In *Proceedings of the 8th International Conference on Languages, Social Sciences, Education and Interdisciplinary Studies* (pp. 277–298). Higher Education and Innovation Group. [http://heaig.org/images/proceedings\\_pdf/H12174241.pdf](http://heaig.org/images/proceedings_pdf/H12174241.pdf)
- Li, R. (2022). Effects of mobile-assisted language learning on EFL/ESL reading comprehension. *Educational Technology & Society*, 25(3), 15–29. <https://www.jstor.org/stable/48673721>
- Loc, V. V., Vu, N. N., & Linh, V. T. (2022). EFL students' attitudes towards the ease-of-use mobile technology to learn English at a university in Vietnam. *Advances in social science, education and humanities research*, 261, 291–298. <https://doi.org/10.2991/assehr.k.211224.028>
- Loi, N. V. (2016). Learner autonomy in Vietnam: Insights from English language teachers' beliefs and practices. In R. Barnard & J. Li (Eds.), *Language learner autonomy: Teachers' beliefs and practices in Asian contexts* (pp. 1–22). IDP Education Phnom Penh.
- Ngo, C. L. (2018). A review of research in mobile assisted collaborative language learning. *VNU Journal of Foreign Studies*, 34(4), 71–82. <https://doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4282>
- Pallant, J. (2014). *SPSS survival manual: A step by step guide to data analysis using SPSS* (4th ed.). Allen & Unwin.

- Phan, N. H. (2020). *Nghiên cứu ứng dụng công nghệ nhận diện giọng nói vào việc xây dựng phần mềm hỗ trợ luyện tập phát âm tiếng Anh trên thiết bị di động* (Mã số 10201) [Đề tài khoa học cấp Bộ]. Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu.  
<http://thuvienso.bvu.edu.vn/handle/TVDHB/RVT/19869>
- Rad, H. S. (2021). Exploring use of mobile-mediated hybrid dynamic assessment in improving EFL learners' descriptive writing skills. *Computer Assisted Language Learning Electronic Journal*, 22(1), 111–132.
- Radin, J. (2017). Mobile assisted language learning: Advantages and use among different age groups. *Scientific Bulletin of the Politehnica University of Timișoara Transactions on Modern Languages*, 16(1), 79–92.
- Samad, I. S., & Aminullah, A. (2019). Applying ELSA Speak software in the pronunciation class: Students' perception. *Edumaspul Jurnal Pendidikan*, 3(1), 56–63.  
<https://doi.org/10.33487/edumaspul.v3i1.85>
- Sutami, N. K. (2021). The use of ORAI mobile application to teach speaking in EFL classes. *Journal of English Language Learning*, 5(2), 68–84.  
<https://doi.org/10.31949/jell.v5i2.3362>
- Thạch, P. N., Quân, Đ. Đ., Thắng, N. X., Quý, H., Hải, Đ. T., & Thành, T. M. (2021). Học tiếng Anh trên thiết bị di động của học sinh và sinh viên Việt Nam: Một nghiên cứu so sánh. *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ*, (67), 66–83.  
<https://doi.org/10.56844/tckhnn.vi67.91>
- Tran, T. L. N. (2020). Perspectives and attitudes towards self-directed mall and strategies to facilitate learning for different learner groups. *CALL-EJ*, 21(3), 41–59.  
<http://callej.org/journal/21-3/Tran2020.pdf>
- Vu, L., Thibeault, T., & Vu, P. (2021). Adopting speech recognition in EFL/ESL contexts: Are we there yet? *Journal of Foreign Language Education and Technology*, 6(1), 64–75.

### Phụ lục 1

#### TÊN BÀI, CẤU TRÚC, SỐ BÀI LUYỆN, SỐ CÂU HỎI VÀ TỔNG ĐIỂM

##### TRÌNH ĐỘ A2

Tên bài	Cấu trúc	Số bài luyện	Số câu hỏi	Tổng điểm
Kiểm tra đầu vào	Đọc	3	25	30
	Viết	2	20	30
	Nghe	3	15	20
	Nói	2	15	Máy chấm
Bài 1: Shopping	Từ vựng	3	24	5
	Đọc	4	26	35
	Nghe	4	23	28
	Nói	5	37	Máy chấm
Bài 2: Health	Từ vựng	3	29	5
	Đọc	3	25	30
	Nghe	4	21	26
	Nói	5	32	Máy chấm
Bài 3: Free time	Từ vựng	3	29	5
	Đọc	4	30	40
	Nghe	3	15	20
	Nói	5	31	Máy chấm
Bài 4: Work	Từ vựng	3	29	5

	Đọc	3	15	20
	Nghe	3	11	15
	Nói	4	30	Máy chấm
Bài 5: Feelings	Từ vựng	3	29	5
	Đọc	4	30	40
	Nghe	3	15	20
	Nói	5	25	Máy chấm
Bài 6: Family and friends	Từ vựng	3	32	5
	Đọc	4	25	35
	Nghe	3	20	25
	Nói	5	42	Máy chấm
Bài 7: Food and drink	Từ vựng	3	32	5
	Đọc	4	25	35
	Nghe	4	20	25
	Nói	5	46	Máy chấm
Bài 8: Art and media	Từ vựng	3	32	5
	Đọc	4	25	35
	Nghe	4	20	25
	Nói	5	46	Máy chấm
Bài 9: Communication & technology	Từ vựng	3	25	5
	Đọc	4	25	35
	Nghe	4	25	30
	Nói	5	52	Máy chấm
Bài 10: Progress test	Đọc	3	25	25
	Nghe	3	15	25
	Viết	3	15	25
	Nói	2	15	Máy chấm
<b>Tổng cộng</b>		<b>158</b>	<b>1143</b>	<b>719</b>

**TRÌNH ĐỘ B1**

<b>Tên bài</b>	<b>Cấu trúc</b>	<b>Số bài luyện</b>	<b>Số câu hỏi</b>	<b>Tổng điểm</b>
Bài 1: Travel	Từ vựng	3	32	5
	Đọc	2	15	20
	Nghe	3	15	20
	Nói	3	29	Máy chấm
Bài 2: Feelings and emotion	Từ vựng	3	35	5
	Đọc	2	15	25
	Nghe	2	15	20
	Nói	4	27	Máy chấm
Bài 3: Weather and climate	Từ vựng	3	29	5
	Đọc	2	15	15



	Nghe	3	15	20
	Nói	3	21	Máy chấm
Bài 4: Sports	Từ vựng	3	32	5
	Đọc	2	10	15
	Nghe	4	25	30
	Nói	4	27	Máy chấm
Bài 5: Entertainment	Từ vựng	3	29	5
	Đọc	3	16	25
	Nghe	3	15	30
	Nói	4	23	Máy chấm
Bài 6: Around the town	Từ vựng	3	35	5
	Đọc	3	16	25
	Nghe	3	15	25
	Nói	3	25	Máy chấm
Bài 7: Arts	Từ vựng	3	29	5
	Đọc	3	24	29
	Nghe	3	20	35
	Nói	3	25	Máy chấm
Bài 8: Food and diet	Từ vựng	3	29	5
	Đọc	2	18	20
	Nghe	3	15	25
	Nói	3	23	Máy chấm
Bài 9: Leisure activities	Từ vựng	3	29	5
	Đọc	2	19	20
	Nghe	3	15	25
	Nói	3	25	Máy chấm
Bài 10: Progress test	Đọc	3	20	25
	Nghe	3	15	25
	Viết	3	15	25
	Nói	2	15	Máy chấm
<b>Tổng cộng</b>		<b>116</b>	<b>867</b>	<b>983</b>

## **MOBILE ENGLISH LANGUAGE LEARNING: ARE VIETNAMESE TEENAGERS AND YOUNGSTERS AUTONOMOUS YET?**

Pham Ngoc Thach, Nguyen Hoang Duong, Dang Dinh Quan, Hoang Quy,  
Nguyen Xuan Thang, Tran Minh Thanh, Dinh Thi Hai

*Hanoi University, km 9 Nguyen Trai road, Thanh Xuan district, Ha Noi, Vietnam*

**Abstract:** This paper presents the results of testing a mobile English language learning application called M-learning on over 300 secondary school and university students. Using descriptive and inferential statistical techniques to analyze the data collected from two periods of testing the application, the study results indicated that there were large discrepancies among the users in their usage and completion of the learning tasks. Their learning autonomy was generally limited. However, there were large associations among the users' login, completed tasks, questions, time on task and scores. The study offers some practical implications in the development and test of English language learning mobile applications for Vietnamese teenagers and youngsters, especially the importance of establishing, nurturing and maintaining their learning autonomy.

*Keywords:* mobile application, test, autonomy, English, Vietnamese teenagers and youth